ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 420 /KH-UBND	*Hà Nội, ngày27 tháng10 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 30/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 29/6/2026 của Ban Bí thư về nâng cao năng suất lao động quốc gia gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong giai đoạn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thực hiện Quyết định số 1685/QĐ-TTg ngày 30/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 29/6/2026 của Ban Bí thư về nâng cao năng suất lao động quốc gia gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong giai đoạn mới; Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn Thành phố với các nội dung cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG VỀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG THỦ ĐÔ

1. Kết quả đạt được

Báo cáo thống kê tình hình phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô năm 2025 và kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy năng suất, chất lượng, hiệu quả tăng trưởng kinh tế và năng lực cạnh tranh của Thủ đô được cải thiện rõ rệt:

- Về quy mô và tốc độ tăng năng suất lao động (NSLĐ):

+ Năm 2025, NSLĐ toàn Thành phố đạt 378,8 triệu đồng/lao động *(giá hiện hành)*, gấp 1,54 lần mức bình quân chung của cả nước *(245 triệu đồng/người)*.

+ Giai đoạn 2020 - 2024, tốc độ tăng NSLĐ bình quân của Hà Nội đạt **6,8%/năm**, cao hơn bình quân cả nước; phản ánh hiệu quả tích cực của quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh.

+ *Cơ cấu tăng NSLĐ theo ngành:* Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có tốc độ tăng NSLĐ nhanh nhất, đạt bình quân **12,9%/năm**; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt mức tăng bình quân **7,3%/năm**; khu vực dịch vụ đạt mức tăng bình quân **6,3%/năm** *(đây là khu vực thu hút nguồn nhân lực lớn nhất, chiếm trên 61% tổng lao động toàn Thành phố với tốc độ tăng lao động bình quân trên 2%/năm)*.

- Về chuyển đổi mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế số:

+ Kinh tế tri thức, kinh tế số và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được chú trọng phát triển, trở thành động lực tăng trưởng quan trọng. Tỷ trọng giá trị tăng

thêm của kinh tế số trong GRDP Thành phố liên tục tăng qua các năm, từ 15,81% *(năm 2021)* lên 17,34% *(năm 2025)*.

+ Giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng NSLĐ, nguồn vốn và doanh thu của khối doanh nghiệp trên địa bàn đều cao hơn tốc độ tăng số lượng doanh nghiệp. Các chỉ tiêu bình quân trên một doanh nghiệp được cải thiện rõ rệt, khẳng định xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ từ tăng trưởng dựa vào mở rộng quy mô diện rộng sang chiều sâu, từng bước nâng cao năng lực hoạt động và chất lượng tăng trưởng bền vững.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác nâng cao NSLĐ của Thủ đô vẫn còn một số hạn chế, rào cản:

- Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp - xây dựng diễn ra còn chậm. Mặc dù NSLĐ khu vực này đã được cải thiện nhưng vẫn thấp hơn khu vực dịch vụ và chưa bắt kịp mức trung bình của một số thành phố lớn trong khu vực.

- Tỷ lệ dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ứng dụng công nghệ cao còn khiêm tốn, chủ yếu tập trung ở khâu gia công, lắp ráp; chưa hình thành nhiều chuỗi giá trị sản xuất có tính lan tỏa mạnh mẽ. Tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị tại các doanh nghiệp chưa đồng đều; chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư chiến lược quy mô toàn cầu.

- Mô hình nông nghiệp sinh thái, du lịch nông nghiệp trải nghiệm mới dừng lại ở quy mô nhỏ lẻ, tự phát, thiếu quy hoạch dài hạn.

- Hạ tầng các khu, cụm công nghiệp phát triển chưa đồng bộ; phần lớn có quy mô nhỏ, chậm chuyển đổi sang mô hình khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ hoặc khu công nghiệp sinh thái hiện đại.

Giai đoạn 2026 - 2030, Hà Nội quyết tâm phát triển nhanh, bền vững trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và kinh tế xanh; gắn kết chặt chẽ việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII với việc nâng cao NSLĐ, năng lực cạnh tranh và bảo đảm an sinh xã hội bền vững.

II. MỤC ĐÍCH, CHỈ TIÊU TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG ĐẾN NĂM 2030

1. Mục đích

- ***Thống nhất nhận thức và hành động:*** Quán triệt sâu sắc, triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và hiệu quả Quyết định số 1685/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tạo chuyển biến mạnh mẽ, căn bản về nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và người lao động Thủ đô về vai trò, vị trí tầm quan trọng của việc nâng cao năng suất lao động (NSLĐ) gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, linh hoạt, hội nhập và bền vững.

- ***Xác định nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp đột phá:*** Đề ra lộ trình thực hiện cụ thể, rõ việc, rõ trách nhiệm; bảo đảm kết hợp hài hòa giữa nâng cao NSLĐ với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tạo việc làm bền vững, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của Nhân dân; chủ động ứng phó với tình trạng thiếu hụt nhân lực cục bộ, nâng tầm kỹ năng nghề, giữ vững an ninh trật tự, an ninh công nhân và xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.

- Thúc đẩy năng lực cạnh tranh và bứt phá tăng trưởng: Coi việc nâng cao NSLĐ và phát triển thị trường lao động là động lực then chốt để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng kinh tế "02 con số" của Hà Nội trong giai đoạn 2026 - 2030; khẳng định vai trò trung tâm, vị thế đầu tàu và năng lực cạnh tranh của Thủ đô trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Chỉ tiêu thực hiện

Thành phố tập trung hoàn thành các nhóm chỉ tiêu cốt lõi về tốc độ tăng NSLĐ, tỷ lệ lao động qua đào tạo, phát triển hạ tầng thị trường lao động số và bảo đảm an sinh xã hội đến năm 2030.

(Chi tiết các chỉ tiêu cụ thể được quy định tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Nâng cao trách nhiệm của hệ thống chính trị: Các sở, ban, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức quán triệt sâu sắc Kết luận số 62-KL/TW của Ban Bí thư và Quyết định số 1685/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp và người lao động trên địa bàn. Nhất quán xác định nâng cao năng suất lao động là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên và lâu dài; phải cụ thể hóa chủ trương này thành các chỉ tiêu, chương trình hành động hàng năm của từng ngành, từng địa phương, đơn vị.

- Đổi mới toàn diện nội dung, phương thức truyền thông: Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số, đa dạng hóa các sản phẩm truyền thông hiện đại *(infographic, video ngắn, podcast...)* trên Cổng Thông tin điện tử Thành phố, hệ thống truyền thanh cơ sở và các nền tảng số, mạng xã hội chính thống. Chủ động nghiên cứu, ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) trong biên tập, thiết kế hình ảnh, xử lý dữ liệu truyền thông nhằm tối ưu hóa quy trình sản xuất ấn phẩm và nâng cao hiệu quả tương tác với Nhân dân.

- Phát động các phong trào thi đua nâng cao năng suất: Phát động sâu rộng phong trào thi đua *"Lao động giỏi, năng suất cao, thu nhập tốt"*, thúc đẩy cải tiến kỹ thuật và nâng cao năng suất lao động trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất. Kịp thời biểu dương, khen thưởng và nhân rộng các mô hình doanh nghiệp, tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đạt năng suất lao động vượt trội.

2. Xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách đặc thù của Thành phố về giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm và phát triển thị trường lao động

- Ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ đào tạo nghề sơ cấp và ngắn hạn: Nghiên cứu, tham mưu trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách đặc thù hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho các nhóm lao động ưu tiên, lao động thuộc diện thu hồi đất, bộ đội xuất ngũ và lao động yếu thế trên địa bàn Thành phố.

- Chính sách hỗ trợ nâng cao kỹ năng nghề và học nghề chuyển đổi: Nghiên cứu, trình HĐND Thành phố ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề; hỗ trợ tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho các nhóm đối tượng đặc thù *(người chấp hành xong hình phạt tù, người sau cai nghiện ma túy, lao động nông thôn, lao động diện thu hồi đất thực hiện các dự án trọng điểm và lao động đang hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp)*.

- Rà soát, hoàn thiện thể chế và hạ tầng pháp lý: Định kỳ rà soát, chủ động đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về đào tạo nghề, việc làm và an sinh xã hội; bảo đảm phù hợp với quy luật cung - cầu của thị trường lao động hiện đại, hài hòa lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô *"Văn hiến - Văn minh - Hiện đại"*.

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong giai đoạn mới

- Đổi mới mạnh mẽ mô hình đào tạo nghề: Chuyển dịch căn bản từ mô hình "đào tạo theo khả năng sẵn có" sang "đào tạo theo đơn đặt hàng và nhu cầu thực tế của doanh nghiệp", lấy kỹ năng số, ngoại ngữ và tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) làm trọng tâm. Triển khai các chính sách hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại, chuyển đổi nghề nghiệp giúp người lao động chủ động thích ứng với các yêu cầu mới trong quá trình chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

- Thúc đẩy liên kết sâu rộng giữa Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Doanh nghiệp: Kết hợp chặt chẽ giữa các nhà trường với doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, hợp tác xã để xây dựng chương trình giảng dạy thực hành; tập trung vào các ngành mũi nhọn: công nghệ cao, du lịch, thương mại điện tử, logistics và dịch vụ nông nghiệp hiện đại. Khuyến khích cơ sở giáo dục nghề nghiệp mời chuyên gia, nghệ nhân từ các doanh nghiệp lớn tham gia giảng dạy, xây dựng chương trình, bảo đảm người học có kỹ năng thực hành đáp ứng ngay yêu cầu công việc, không phải đào tạo lại.

- Phát triển nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế có năng suất lao động cao: Ưu tiên thu hút dự án FDI công nghệ cao *(bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học)*; thúc đẩy phát triển các sản phẩm công nghiệp *"Make in Vietnam"* mang thương hiệu Thủ đô.

- Đào tạo nhân lực nông nghiệp, nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa thực chất: Lấy người dân nông thôn làm chủ thể, tạo chuyển biến rõ nét về chuyển đổi nghề nghiệp, nâng cao thu nhập và năng lực thích ứng. Hằng năm, tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn chuyên sâu cho nông dân, cán bộ hợp tác xã, chủ trang trại, chủ thể OCOP, nghệ nhân làng nghề về kỹ thuật sản xuất tiên tiến, an toàn thực phẩm, chuyển đổi số, thương mại điện tử, quản trị kinh doanh, truy xuất nguồn gốc và kỹ năng tiếp cận thị trường.

- Phát triển hệ thống đánh giá và công nhận kỹ năng nghề: Tăng cường đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; chuyển dịch mạnh mẽ nhận thức xã hội từ "coi trọng bằng cấp" sang "coi trọng kỹ năng nghề, năng lực thực hành, khả năng thích ứng và hiệu quả công việc thực tế".

4. Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo động lực tăng năng suất lao động

- Chuyển đổi số trong kết nối cung – cầu lao động: Thiết lập "Kho dữ liệu sống", vận hành "Bộ não AI" để khai thác dữ liệu từ Cổng thông tin việc làm Thành phố; xây dựng và chuẩn hóa dữ liệu hồ sơ số cho người lao động và doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu tại Cổng thông tin việc làm Thành phố và dữ liệu liên thông kết nối với Sàn giao dịch việc làm quốc gia, kết nối LGSP với cơ sở dữ liệu dùng chung của Thành phố để khai thác các dữ liệu liên quan đến doanh nghiệp, người lao động, việc làm. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tự động hóa quy trình sàng lọc, kết nối hồ sơ; phấn đấu giảm từ 30% đến 50% thời gian tuyển dụng trung bình của doanh nghiệp và thời gian chờ việc của người lao động. Thúc đẩy và chuẩn hóa các mô hình việc làm từ xa, việc làm linh hoạt nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố khai thác hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao trên toàn quốc và quốc tế.

- Chuyển đổi số trong vận hành và quản trị của doanh nghiệp:

+ Số hóa công tác quản trị nhân sự: Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn áp dụng mô hình tuyển dụng trực tuyến, phỏng vấn số và quản lý nhân lực dựa trên dữ liệu, chuẩn hóa hạ tầng công nghệ để thực hiện số hóa toàn bộ hồ sơ nhân sự, ứng dụng hợp đồng lao động điện tử (e-Contract), ứng dụng các giải pháp số trong quản lý thông tin lao động, bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và tuân thủ quy định của pháp luật.

+ Thích ứng với các hình thái việc làm mới: Doanh nghiệp chuẩn hóa quy trình, chủ động tiếp nhận và vận hành các mô hình làm việc linh hoạt, làm việc từ xa nhằm khai thác nguồn nhân tài chất lượng cao không bị giới hạn bởi địa giới hành chính. Khuyến khích đổi mới mô hình quản trị nhân sự theo mục tiêu và hiệu suất công việc thay thế cho phương thức quản lý thời gian truyền thống.

+ Thúc đẩy thương mại hóa nghiên cứu: Đẩy mạnh đưa các sáng chế, kết quả nghiên cứu khoa học vào ứng dụng thực tế để tạo ra sản phẩm giá trị gia tăng cao.

- Ứng dụng công nghệ trong sản xuất, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp: Thí điểm chuyển giao các mô hình công nghệ sản xuất quy mô nhỏ (tưới tự động tiết kiệm nước, máy ấp trứng mini, công nghệ sấy năng lượng mặt trời) trực tiếp tại cấp xã, phường. Hỗ trợ hộ kinh doanh, hợp tác xã và làng nghề ứng dụng công nghệ IoT, hệ thống truy xuất nguồn gốc (QR Code) và chuẩn hóa bao bì, thương hiệu. Thúc đẩy đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử; xây dựng các ứng dụng (App) kết nối trực tuyến giữa người lao động với chuyên gia nông nghiệp, kỹ thuật viên để hỗ trợ kỹ thuật thời gian thực.

- Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo: Đơn giản hóa thủ tục đăng ký kinh doanh cho các mô hình hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp siêu nhỏ. Cung cấp các "Gói hỗ trợ khởi nghiệp thiết yếu" (bao gồm tư vấn pháp lý, kế toán, quản trị marketing) miễn phí hoặc ưu đãi. Hình thành các điểm tư vấn khởi nghiệp tại cấp xã; tập trung ươm tạo các ý tưởng khởi nghiệp từ sản phẩm đặc thù địa phương (Chương trình OCOP, đặc sản vùng miền) để xây dựng các mô hình kinh tế tự chủ bền vững.

5. Phát triển thị trường lao động, tạo làm bền vững, chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, an ninh trật tự, an ninh công nhân và ổn định quan hệ lao động trên địa bàn Thành phố

- Phát triển thị trường lao động hiện đại và chuyển dịch mô hình hỗ trợ an sinh: Phát triển thị trường lao động linh hoạt, bao trùm và bền vững, thích ứng hiệu quả với nền kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với lộ trình chuyển đổi căn bản mô hình hỗ trợ nhóm lao động ưu tiên, lao động yếu thế từ "trợ giúp xã hội" sang "nâng cao năng lực, tạo dựng sinh kế và chủ động kết nối thị trường lao động".

- Mở rộng diện bao phủ bảo hiểm: Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm tình trạng chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm để bảo vệ quyền lợi cốt lõi của người lao động.

- Hiện đại hóa công tác chi trả an sinh xã hội và chuyển đổi số ngành BHXH:

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quy trình tiếp nhận, giải quyết chính sách bảo hiểm; khai thác và phát huy hiệu quả ứng dụng VssID (Bảo hiểm xã hội số) nhằm tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và người lao động theo dõi trực tuyến, minh bạch quá trình đóng - hưởng.

- Tối ưu hóa nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội giải quyết việc làm: Tối ưu hóa nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay vốn giải quyết việc làm, đáp ứng kịp thời nhu cầu của các đối tượng thụ hưởng; Định kỳ rà soát, bố trí ngân sách chuyển bổ sung vốn ủy thác và hoàn thiện cơ chế, chính sách tín dụng nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất để người lao động tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi, thúc đẩy tự tạo việc làm tại địa phương.

- Chủ động nắm bắt tình hình, bảo đảm an ninh công nhân và ổn định quan hệ lao động:

+ Chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa: Định kỳ rà soát, phân tích, phát hiện kịp thời các dấu hiệu biến động bất thường về nhân sự, cắt giảm lao động quy mô lớn tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp. Chủ động nắm bắt tình hình, phòng ngừa, ngăn chặn từ sớm các hoạt động lôi kéo, kích động người lao động tụ tập đông người trái pháp luật gây mất an ninh trật tự.

+ Bảo vệ an toàn môi trường sản xuất: Đấu tranh hiệu quả với mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh công nhân. Duy trì môi trường sản xuất kinh doanh an toàn, an ninh tại các khu, cụm công nghiệp tập trung đông lao động.

+ Tăng cường kiểm tra, hậu kiểm tra: Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật lao động, an toàn - vệ sinh lao động, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; đôn đốc doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc các kết luận hậu kiểm tra. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ, giải quyết dứt điểm các mâu thuẫn phát sinh, giảm thiểu tối đa các tranh chấp lao động tập thể dẫn đến đình công, lãn công trái pháp luật.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước: Bố trí trong dự toán của các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường theo khả năng cân đối ngân sách hằng năm và phân cấp ngân sách hiện hành; lồng ghép với nguồn lực của các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án và kế hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật; bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực, không trùng lặp về địa bàn, đối tượng thụ hưởng và nội dung hỗ trợ.

2. Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp: Bố trí và sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp để thực hiện các hoạt động hỗ trợ đào tạo, duy trì việc làm và tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động.

3. Nguồn huy động hợp pháp khác: Các khoản viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật; các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban ngành Thành phố

1.1. Sở Nội vụ *(Cơ quan thường trực)*

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Văn phòng UBND Thành phố và UBND các xã, phường tham mưu UBND Thành phố theo dõi, đôn đốc, kiểm tra toàn diện việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện hằng năm; xây dựng báo cáo định kỳ và đột xuất tham mưu UBND Thành phố báo cáo Thành ủy, Chính phủ, Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất UBND Thành phố điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô trong từng giai đoạn.

1.2. Các sở, ban ngành Thành phố:

- Cụ thể hóa nhiệm vụ vào kế hoạch công tác hằng năm: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước và các mục tiêu, chỉ tiêu tại Kế hoạch này, chủ động rà soát, tích hợp các chỉ tiêu, giải pháp nâng cao năng suất lao động vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị; bảo đảm xác định rõ mục tiêu, sản phẩm đầu ra, tiến độ hoàn thành và phân công rõ trách nhiệm cá nhân người đứng đầu.

- Tổ chức triển khai khẩn trương, hiệu quả: Đối với các nhiệm vụ đã có cơ chế, chính sách hoặc văn bản chỉ đạo của Trung ương và Thành phố, tổ chức triển khai thực hiện ngay; bảo đảm kịp thời, chất lượng, tuyệt đối không trùng lặp, hình thức hoặc phát sinh thêm thủ tục hành chính. Lồng ghép chặt chẽ với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn, Đề án chuyển đổi số và các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn, bảo đảm tính khả thi và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực ngân sách.

- Tập trung chỉ đạo điều hành quyết liệt, đổi mới sáng tạo: Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điều hành quyết liệt, đồng bộ các giải pháp đề ra; phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và bảo đảm an sinh xã hội. Quán triệt sâu sắc tinh thần đoàn kết, đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; nâng cao chất lượng công tác dự báo, chủ động nhận diện khó khăn, vướng mắc để kịp thời tham mưu giải pháp ứng phó, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phát triển Thủ đô.

(Chi tiết phân công nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo)

2. UBND cấp xã

- Cụ thể hóa Kế hoạch và đẩy mạnh tuyên truyền: Căn cứ Kế hoạch của UBND Thành phố và điều kiện thực tế địa phương, khẩn trương xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai chi tiết; đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, doanh nghiệp và Nhân dân về tầm quan trọng của việc nâng cao năng suất lao động, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an sinh xã hội địa phương.

- Đổi mới mô hình kinh tế và nâng cao chất lượng sản xuất: Chủ động đề xuất, triển khai các mô hình kinh tế, hình thức tổ chức sản xuất phù hợp với đặc thù địa bàn; ưu tiên phát triển các sản phẩm mới có giá trị gia tăng và hàm lượng công nghệ cao. Đổi mới tư duy quản trị, ứng dụng công nghệ tiên tiến, phát triển các sản phẩm OCOP, khôi phục và mở rộng các làng nghề truyền thống gắn với du lịch trải nghiệm và thương mại điện tử.

- Rà soát nhu cầu đào tạo nghề và kết nối việc làm tại chỗ: Chủ trì, phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp rà soát, thống kê chính xác nhu cầu đào tạo nghề của Nhóm lao động ưu tiên, lao động thuộc diện thu hồi đất; định hướng đào tạo gắn chặt với ngành kinh tế mũi nhọn, thế mạnh làng nghề của địa phương. Chủ động kết nối với các doanh nghiệp trên địa bàn và khu vực lân cận để tạo việc làm tại chỗ bền vững cho người lao động sau đào tạo.

- Tăng cường quản lý an sinh xã hội và đôn đốc thu hồi nợ BHXH:

Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Bảo hiểm xã hội đẩy mạnh tuyên truyền, đôn đốc và xử lý thu hồi tiền chậm đóng, trốn đóng BHXH, BHYT; phấn đấu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu an sinh xã hội được giao.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân Thủ đô

Tăng cường phối hợp, giám sát, đồng hành cùng các cấp chính quyền Thành phố trong tổ chức thực hiện Kế hoạch; phát huy vai trò phản biện xã hội, tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân và huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu nâng cao năng suất lao động Thủ đô đã đề ra.

4. Công tác báo cáo

Định kỳ **06 tháng** *(trước ngày 15/6)* và **hàng năm** *(trước ngày 15/12)* hoặc đột xuất theo yêu cầu, các sở, ban ngành Thành phố, UBND các xã, phường tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, nêu rõ khó khăn, vướng mắc và đề xuất phương án xử lý gửi về UBND Thành phố *(qua Sở Nội vụ)* để tổng hợp.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp với thực tiễn, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Ủy ban MTTQ VN Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND 126 xã, phường;
- Cơ quan Báo và PTTH Hà Nội;
- VP UBND TP: CVP, PCVP P.T.T.Huyền; Các phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thu Hà

PHỤ LỤC 1
CHỈ TIÊU TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1685/QĐ-TTG NGÀY 30/8/2026 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Kế hoạch số 420/KH-UBND ngày 27/ 102026 của UBND Thành phố)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đến năm 2030	Đơn vị tham mưu
I	**Về kinh tế**			
1	Tăng trưởng GRDP	%	11	Thống kê Hà Nội
2	GRDP bình quân/người	Tr. đồng	315,73	Thống kê Hà Nội
3	Tỷ trọng công nghiệp văn hóa trong GRDP	%	9,00	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch
4	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đến năm 2030	%	40	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn đến năm 2030	nghìn DN	305	Sở Tài chính
6	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm (IIP)	%	11-12	Thống kê Hà Nội
7	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	%	9,87	Sở Tài chính
8	Năng suất lao động đến năm 2030 (giá hiện hành)	Triệu đồng/lao động	664,5	Thống kê Hà Nội

II	**Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả**			
1	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	75-80	Sở Nội vụ
	Trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ	%	55 - 60	Sở Nội vụ
2	Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin	%	80 - 90	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho lao động	Người	180.000	Sở Nội vụ
4	Tỷ lệ thất nghiệp chung	%	<2,5	Sở Nội vụ
5	Tỷ lệ thất nghiệp thành thị	%	<3	Sở Nội vụ
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động có việc làm trên địa bàn	%	4	Thống Kê Hà Nội
III	**Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**			
1	Bình quân mỗi năm thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Người	20.000	Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Bình quân mỗi năm thực hiện đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng cho lao động, trong đó có lao động dân tộc thiểu số, lao động có đất thu hồi	Người	15.000	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Tỉ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030	%	60	Sở Giáo dục và Đào tạo
4	Tỉ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%	35	Sở Giáo dục và Đào tạo

5	Tỷ lệ lao động có kỹ năng CNTT	%	80	Sở Khoa học và Công nghệ
IV	**Đảm bảo an sinh xã hội**			
1	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hàng năm	%	100	Sở Y tế
2	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân	%	100	BHXH thành phố Hà Nội
3	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số	%	96,25	BHXH thành phố Hà Nội
4	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH bắt buộc trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	60	BHXH thành phố Hà Nội
5	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH tự nguyện trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	10	BHXH thành phố Hà Nội
6	Tỷ lệ lao động tham gia BH thất nghiệp trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	%	50	BHXH thành phố Hà Nội

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1685/QĐ-TTG NGÀY 30/8/2026 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND Thành phố)

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Sản phẩm/kết quả	Cơ quan ban hành			Thời gian triển khai/thực hiện các nhiệm vụ
					HĐND Thành phố	UBND Thành phố	Các Sở, ngành Thành phố, UBND xã, phường	
I	**Tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức**							
1	Đổi mới công tác tuyên truyền và ứng dụng công nghệ số	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan, UBND các xã, phường	Văn bản			x	2026-2030
2	Tôn vinh "Lao động giỏi, năng suất cao, thu nhập tốt"	Liên đoàn Lao động Thành phố	Các sở, ngành liên quan, UBND các xã, phường	Văn bản			x	2026-2030
II	**Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của Thành phố về đào tạo nghề, giải quyết việc làm, phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả gắn với nâng cao năng suất lao động**							

1	Nghiên cứu, trình HĐND Thành phố ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho Nhóm lao động ưu tiên theo quy định hiện hành trên địa bàn Thành phố.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Nghị quyết	x	x	x	2026-2030
2	Nghiên cứu, trình HĐND Thành phố ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, hỗ trợ tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người chấp hành xong hình phạt tù, người sau cai nghiện ma túy, lao động nông thôn, lao động có đất thu hồi và lao động hưởng bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn Thành phố	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Nghị quyết	x		x	2026-2030
3	Rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về đào tạo nghề và giải quyết việc làm, đảm bảo phù hợp với quy luật cung - cầu của thị trường lao động hiện đại, hài hòa lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động, đáp ứng yêu cầu xây dựng Thủ đô "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại".	Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Kế hoạch/chương trình/văn bản			x	2026 – 2030
III	**Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong giai đoạn mới**							
1	Đổi mới mạnh mẽ mô hình đào tạo: Chuyển dịch từ mô hình "đào tạo theo khả năng sẵn có" sang "đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp",	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở GDNN, UBND các xã, phường	Kế hoạch/chương trình/văn bản			x	2026 – 2030

2	Thúc đẩy đào tạo nghề và gắn kết Nhà trường - Doanh nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở GDNN, doanh nghiệp	Văn bản			x	2026 – 2030
3	Đào tạo nguồn nhân lực phát triển nông nghiệp, nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Giáo dục và Đào tạo, Các cơ sở GDNN; UBND các xã, phường	Văn bản			x	2026
4	Phát triển kỹ năng nghề cho người lao động	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Kế hoạch/chương trình/văn bản			x	2026 - 2030
IV	**Thúc đẩy mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo động lực tăng năng suất lao động**							
1	Chuyển đổi số trong kết nối cung – cầu lao động	Sở Nội vụ	Trung tâm DVVL Hà Nội, Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Kế hoạch/chương trình/Đề án		x	x	2026-2030
2	Chuyển đổi số trong vận hành và quản trị của doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp, Các Hiệp hội doanh nghiệp, sở, ngành liên quan	Văn bản, Kế hoạch		x	x	2026 – 2030
3	Ứng dụng công nghệ trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp, Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Văn bản, Kế hoạch		x	x	Hàng năm
4	Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	Sở Khoa học	Doanh nghiệp,	Kế		x	x	2026 –

		và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	hoạch/chương trình/văn bản				2030
V	**Phát triển thị trường lao động, tạo làm bền vững, chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, an ninh trật tự, an ninh công nhân và ổn định quan hệ lao động trên địa bàn Thành phố**							
1	Chuyển dịch cơ cấu thị trường lao động	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Kế hoạch/chương trình/văn bản		x	x	2026 – 2030
2	Triển khai chính sách vay vốn giải quyết việc làm	Chi nhánh Ngân hàng CSXH Thành phố	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Kế hoạch/chương trình/văn bản		x	x	2026-2030
3	Thực hiện đồng bộ các giải pháp mở rộng diện bao phủ BHXH, BHYT, BHTN	BHXH thành phố Hà Nội	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Văn bản			x	2026 – 2030
4	Hiện đại hóa công tác chi trả an sinh xã hội	BHXH thành phố Hà Nội	Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường	Văn bản			x	2026 – 2030
5	Kịp thời nắm bắt tình hình và đảm bảo an ninh công nhân	Công an thành phố Hà Nội	Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp Hà Nội;	Văn bản			x	2026 – 2030

			Sở Xây dựng và Liên đoàn Lao động Thành phố; Các sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường					